

Bản án số: 83/2020/HC-ST

Ngày: 27-11-2020

*Khiếu kiện quyết định hành chính
Về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Tâm
2. Bà Đào Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Quỳnh Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 N 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 41/2020/HC-ST ngày 16 tháng 4 N 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HC ngày 22/10/2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N, sinh N 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn G, sinh N 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh K

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Chiến T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 04, đường 30/4, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện người đại diện cho người khởi kiện ông Nguyễn Văn G trình bày:***

Bà Nguyễn Thị N có diện tích đất đo đạc thực tế 5.295m² tọa lạc tại ấp Cửa Lấp, xã C, huyện D, tỉnh K. Trong quá trình sử dụng có kê khai sơ đồ 14, 15 và có xin đăng ký quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ giáp ranh có tranh chấp. Vào ngày 27/11/2019, Chủ tịch UBND huyện D ban hành quyết định số: 5502/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị N đã có hành vi chiếm đất với diện tích 4.169,85m² do Nhà nước quản lý, loại đất là đất thương mại, dịch vụ để trồng cây và xây dựng nhà ở. Buộc bà N trả lại đất và di dời công trình xây dựng, cây trồng ra khỏi khu đất là không có căn cứ, bởi các lý do sau:

Về nguồn gốc đất của ông Võ Văn K và bà Hứa Thị N khai khẩn sử dụng từ N 1945 được sự cho phép của chính quyền địa phương, đến N 1963 ông K bị giặc bắn chết để lại cho vợ là bà Hứa Thị N tiếp tục sử dụng trồng lúa, khoai, cây hằng năm để sinh sống. Đến N 1989 bà Hứa Thị N chết để lại cho con nuôi là bà Nguyễn Thị N sử dụng cho đến nay. Quá trình bà Nguyễn Thị N sử dụng đất được rất nhiều người dân sống lâu N ở khu vực biết và đã có lời khai xác nhận về quá trình sử dụng đất của gia đình bà N.

Việc UBND huyện D xác định bà Nguyễn Thị N bỏ đất từ N 1986, đến N 2003 mới vào sử dụng lại là không đúng. Việc tranh chấp giữa bà N và ông Thiện nay không còn, không hiểu lý do gì UBND huyện D lại xác định phần đất của gia đình bà N là đất do Nhà nước quản lý.

Tại Báo cáo số 321/BC-UBND ngày 28/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện D về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh cũng xác định phần đất 4.750m² (nằm trong diện tích 5.295m²) tọa lạc tại ấp Cửa Lấp, xã C, huyện D là của ông Võ Văn K khai khẩn, sử dụng trước N 1977, sau đó cho lại cháu là bà Nguyễn Thị N tiếp tục sử dụng. Thực tế bà N đã có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục từ N 1989 cho đến nay, không bỏ đất thời gian nào.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N, nay bà yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5502/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 11 N 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Tại biên bản đối thoại ngày 26/6/2020 của Tòa án ông Trần Chiến T là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày ý kiến:

Về nguồn gốc đất là của ông Võ Văn K khai phá sử dụng, sau đó để lại cho bà Nguyễn Thị N sử dụng. Tuy nhiên, bà N không sử dụng đất liên tục, có thời gian bỏ đất. Đến N 2003, bà N vào sử dụng lại đất thì bị UBND xã C lập biên bản và đề nghị UBND huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà N.

N 2008, bà N có làm đơn khiếu nại đến UBND xã C, sau đó UBND xã có thành lập đoàn xác minh và giải quyết việc khiếu nại của bà N là không có cơ sở. Bà N không có khiếu nại, đến N 2014 bà N có khiếu nại đến UBND huyện, UBND huyện đã có văn bản trả lời chính thức cho bà N.

N 2019 bà N vào tác động đất UBND xã C lập biên bản vi phạm và làm Tờ trình đề nghị UBND huyện ban hành quyết định xử phạt, do hết thời hiệu xử phạt nên UBND huyện ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Qua đối thoại, bà N có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho quá trình sử dụng đất của mình. Ông T ghi nhận ý kiến yêu cầu của bà N và sẽ xem xét lại quá trình sử dụng đất của bà N.

Ngày 26/11/2020 UBND huyện D ban hành Công văn số 873/UBND-NCPC về việc có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N như sau:

Nguồn gốc đất diện tích 4.169,85m², tại ấp Cửa Lấp, xã C, huyện D, tỉnh K, trước năm 1963 là đất của ông Võ Văn K cùng vợ là bà Hứa Thị N, (tên thường gọi là bà Y) khai phá sử dụng trồng màu, trong N 1963 ông K chết phần đất trên bà Hứa Thị N tiếp tục quản lý sử dụng đến N 1989 bà Hứa Thị N chết, phần đất trên bà Nguyễn Thị N tiếp tục quản lý được một thời gian bà N về Dương Đông sinh sống và làm thuê. N 1993, có Chủ trương đo đạc sơ đồ 14 bà N không có kê khai đo đạc sơ đồ 14 (phần đất trên thể hiện đất chưa ai sử dụng). Khoảng năm 2002 bà N mới vào phát dọn thửa đất trên cất một căn nhà tạm diện tích 16,2m², đồng thời Phòng Giao thông - Địa chính xây dựng huyện lập biên bản số 04/BB ngày 02/10/2003 đối với bà Nguyễn Thị N về hành vi xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng trên đất lấn chiếm đất nhà nước quản lý.

Ngày 16/10/2003, UBND huyện D ra Quyết định số 2067/QĐ-UB, về việc xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý xây dựng, quản lý nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị với số tiền 48.600 đồng đối với bà Nguyễn Thị N và phạt bổ sung: bà Nguyễn Thị N phải tháo dỡ toàn bộ diện tích đã xây dựng $3\text{m} \times 5,4\text{m} = 16,2\text{m}^2$ không xin phép xây dựng, trả lại hiện trạng ban đầu cho Nhà nước quản lý. Nên bà Nguyễn Thị N không thống nhất làm đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện xem xét.

Ngày 12/11/2003, UBND huyện D có Công văn số 170/UB-VP về trả lời đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị N. Nội dung: Khẳng định hành vi vi phạm xây dựng nhà ở không xin phép xây dựng trên phần đất lấn, chiếm là đúng theo quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều 8 Nghị định 48/CP ngày 05/5/1997 của Chính Phủ. Với mức phạt tiền là 48.600 đồng và mức phạt bổ sung là phải tháo dỡ toàn bộ diện tích đã xây dựng. Do đó yêu cầu của bà không thể giải quyết.

Ngày 13/04/2014, bà N làm đơn khiếu nại yêu cầu xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích nêu trên gửi đến UBND huyện. Sau khi xem xét, UBND huyện đã chỉ đạo UBND xã C, kiểm tra xem xét cấp giấy theo quy định.

Ngày 25/8/2016, UBND xã C kết hợp Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện kiểm tra hiện trạng thửa đất mà bà Nguyễn Thị N yêu cầu cấp giấy. Trong quá trình đo đạc, UBND xã C có mời chủ giáp ranh thửa đất là ông Nguyễn Quốc T chứng kiến. Tuy nhiên, ông T cho rằng thửa đất trên là của ông nên ngăn cản, không cho đo đạc. Vì vậy, bà N làm đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Quốc T gửi đến UBND xã C nhưng sau đó bà N đến rút lại đơn tranh chấp và gửi đơn tranh chấp đến UBND huyện.

Ngày 03/5/2017, UBND huyện chỉ đạo UBND xã C hoà giải theo thẩm quyền đối với vụ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quốc T.

Ngày 07/8/2017, UBND xã C có Báo cáo với UBND huyện tường hợp tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quốc T là không thể thụ lý hoà giải. Lý do: thửa đất bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quốc T đang tranh chấp là đất Nhà nước quản lý, hiện trạng là bãi nước tự nhiên không ai sử dụng, có 01 căn nhà diện tích $16,2\text{m}^2$ của bà N xây dựng trên hành lang biển (trước đây đã bị xử phạt hành chính).

Ngày 28/8/2017, UBND huyện có Báo cáo số 321/BC-UBND về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 4090/VP-KTCN ngày 02/8/2017, về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N. Nội dung: Việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N là không có cơ sở để giải quyết vì thửa đất trên tranh chấp hiện là đất nhà nước quản lý.

Ngày 19/6/2019, ông Lý Thành L - Công chức địa chính xã C lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 45/BB-VPHC do có hành vi vi phạm hành chính: “Vào ngày 19/6/2019, phát hiện bà Nguyễn Thị N đang thực hiện hành vi chiếm đất do nhà nước quản lý, diện tích 4.169,85m² (hiện trạng đất sử dụng cất nhà, trồng cây diện tích 631,32m²; hiện trạng lung nước, không có thành quả lao động diện tích đất 3.538,53m²), loại đất: thương mại dịch vụ và đất giao thông, vị trí đất: ấp Cửa Lấp, xã C, huyện D, tỉnh K”.

Việc bà Nguyễn Thị N sử dụng diện tích đất 4.169,85m² mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ là hành vi chiếm đất.

Ngày 25/11/2019, UBND xã C có Tờ trình số 1195/TTr-UBND về việc ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị N đến ngày 27/11/2019, Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định số 5502/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị N.

Từ những kết quả trên, việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 5502/QĐ-KPHQ ngày 27/11/2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị N là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bác nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện người khởi kiện, ông Nguyễn Văn G vẫn giữ nguyên yêu cầu của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5502/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 11 N 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị N.

Đại diện người bị kiện vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện. Tại phiên tòa, Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Đối với người khởi kiện, người bị kiện đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

- Về giải quyết vụ án: Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 5502/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 11 N 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án:

Quyết định số 5502/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị N là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện quyết định số 5502/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 11 N 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả vào ngày 25/3/2020 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định bị kiện:

Quyết định số 5502/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 11 N 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị N trong lĩnh vực đất đai được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 208 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm đ khoản 2 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[4] Xét về nguồn gốc đất: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể

hiện diện tích 4.169m² (đo thực tế 5.295m²) tọa lạc tại ấp Cửa Lấp, xã C, huyện D, tỉnh K bà Nguyễn Thị N đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của ông Võ Văn K và vợ là bà Hứa Thị N khai khẩn sử dụng trước năm 1963. Năm 1963, ông Võ Văn K chết để lại bà Hứa Thị N và người con nuôi là bà Nguyễn Thị N tiếp tục sử dụng. Thời điểm năm 1976 bà Hứa Thị N chung sống với bà Nguyễn Thị N nên hai người cùng sử dụng diện tích đất này trồng cây ăn trái, hoa màu để tạo thêm kinh tế cho gia đình, đến năm 1989 bà Hứa Thị N chết nên bà Nguyễn Thị N tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này đến nay. Thời điểm này, bà Nguyễn Thị N về thị trấn Dương Đông sinh sống nhưng vẫn thường xuyên đến khu đất để trồng cây ăn trái và thu hoạch hoa màu trên đất.

Ngày 21/5/2020, Tòa án có thẩm định tại chỗ diện tích đất bà Nguyễn Thị N, kết quả hiện trạng trên đất gồm có: Một miếu (Dinh) thờ cá Voi xây cất năm 1993, 01 nhà ở của bà N, 09 cây dừa khoảng 20 tuổi chết còn lại thân cây và một số công trình, cây trồng trên đất.

Tòa án tiến hành xác minh, ghi lời khai bà Nguyễn Thị N người dân địa phương xác nhận: Vào khoảng năm 1993 gia đình bà phát hiện một con cá Voi chết trôi vào bờ biển tại phần đất của bà Nguyễn Thị N nên gia đình bà có hỏi gia đình bà N(hỏi ông V là cha ruột bà N) cho bà chôn cá Voi trên đất và xây Dinh để thờ cá Voi. Từ năm 1993 đến nay, vào ngày rằm và 30 hàng tháng bà có đến Dinh thờ cá Voi để đốt nhang thờ cúng. Do tháng nào bà cũng đến đây nên thấy bà N có trồng nhiều loại cây trên đất và có nhà trên đất để quản lý đất. Tại biên bản xác minh ghi lời khai ông Phạm Văn T là Bí thư – Trưởng Ban lãnh đạo ấp Cửa Lấp, xã C và những người dân sống lâu năm tại địa phương như ông Trần Phước H, ông Nguyễn Văn C, bà Hồ Thị H, bà Thị S, ông Trần Văn H đều xác định: Nguồn gốc đất là của ông Võ Văn K và bà Hứa Thị N (là cha mẹ nuôi của bà Nguyễn Thị N) khai phá sử dụng đến năm 1989 bà Hứa Thị N chết để lại cho bà Nguyễn Thị N sử dụng liên tục đến nay.

Ngày 13/10/2011, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện D báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N. Kết quả kiểm tra, xác minh thể hiện nguồn gốc diện tích 5.229m² tại ấp Cửa Lấp, xã C, huyện D, tỉnh K trước N 1977 ông K cho cháu là bà Nguyễn Thị N sử dụng. Tại báo cáo của Phòng Tài nguyên kiến nghị Chủ tịch UBND huyện D hướng dẫn bà Nguyễn Thị N làm đơn kê khai xin được đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi đến UBND xã C, huyện D xét duyệt nguồn gốc cho bà N theo quy định.

Ngày 16/9/2016 UBND xã C ban hành Công văn số 33/CV-UBND trả lời ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện, với nội dung: Qua kiểm tra hiện trạng thửa đất bà Nguyễn Thị N xác định là của bà và hiện trạng trên đất có một căn nhà tạm ngang 3m, dài 6,3m, 25 cây chuối cao từ 1 đến 2m; 38 cây dừa cao từ 04m đến 1,8m và một số cỏ bàng lấy sợi, còn phần còn lại là bung nước, chúng tôi tiến hành đo đạc có mời chủ giáp ranh chứng kiến thì ông Nguyễn Quốc T cho rằng phần đất này là của ông, ranh giới không rõ ràng nên ông không cho đo đạc.

Tại Báo cáo số 321/BC-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện D xác định vào N 2003, UBND huyện lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị N về hành vi xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng trên đất lấn chiếm đất Nhà nước và ra quyết định xử phạt ngày 16/10/2003. Tuy nhiên, sau đó bà N vẫn tiếp tục quản lý sử dụng đến nay; Tại báo cáo ngày 13/10/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D xác định bà N sử dụng đất đến năm 1986 bỏ đi nơi khác đến năm 2003 vào khu đất này cất nhà sử dụng và bị UBND huyện ban hành quyết định xử phạt theo quyết định số 2067/QĐ-UB ngày 16/10/2003 của UBND huyện D và bà N vẫn sử dụng đất đến nay. Ngoài ra, báo cáo Phòng Tài Nguyên Môi trường còn kiến nghị Chủ tịch UBND huyện D hướng dẫn bà Nguyễn Thị N làm đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi đến UBND xã C. Quá trình sử dụng đất đến N 2014 và 2016 bà N có xin đăng ký quyền sử dụng đất nhưng khi đo đạc thì ông Nguyễn Quốc T là người giáp ranh có tranh chấp nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Đồng thời theo sơ đồ 14, 15 sơ đồ địa chính thể hiện bà Nguyễn Thị N đứng tên trên sơ đồ với diện tích $5.295m^2$ tại thửa 39, 40 tọa lạc tại ấp Cửa Lấp, xã C, huyện D, tỉnh K.

Từ những chứng cứ trên, có căn cứ để xác định diện tích đất bà Nguyễn Thị N đang sử dụng có nguồn gốc rõ ràng, sử dụng ổn định, liên tục từ trước N 1963 đến nay.

[5] Xét ý kiến của UBND huyện D cho rằng diện tích đất $4.169m^2$ (đo thực tế $5.295m^2$) tọa lạc tại ấp Cửa Lấp, xã C, huyện D, tỉnh K bà Nguyễn Thị N không kê khai đo đạc sơ đồ 14 là chưa đúng với thực tế. Vì theo sơ đồ 14, 15 sơ đồ địa chính thể hiện bà Nguyễn Thị N đứng tên trên sơ đồ với diện tích $5.295m^2$ tại thửa 39, 40 tọa lạc tại ấp Cửa Lấp, xã C, huyện D, tỉnh K. Đồng thời, UBND huyện D cho rằng diện tích đất bà Nguyễn Thị N đang sử dụng là đất của Nhà nước quản lý nhưng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa, bà N có quá trình sử dụng đất ổn định, trước ngày 01/7/2004

(trước năm 1963) như các chứng cứ đã phân tích nêu trên nên bà N không có lần chiếm đất Nhà nước. Từ đó, xét thấy việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 5502/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 11 N 2019 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị N về hành vi chiếm đất Nhà nước quản lý là chưa đúng với quá trình sử dụng đất của bà N và không phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5502/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 11 N 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị N.

[7] Án phí hành chính sơ thẩm:

Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Buộc Chủ tịch UBND huyện D phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5502/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 11 N 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị N.

2. Hủy Quyết định số 5502/QĐ-KPHQ ngày 27 tháng 11 N 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị N.

3. Về án phí: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Buộc Chủ tịch UBND huyện D nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Tòa án, VKS cấp cao tại TP. HCM;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thứ hai: Ông Trí cho rằng trường hợp xây dựng nhà ở của ông Trí được miễn giấy phép xây dựng, tại Điều 89 Luật Xây dựng N 2014 quy định.

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật này.

2. Công trình được miễn giấy phép xây dựng Quy định tại điểm k, khoản 2, Điều 89 Luật Xây dựng N 2014 ghi: Công trình xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; nhà ở riêng lẻ ở nông thôn, trừ nhà ở riêng lẻ trong khu bản tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa;

Căn cứ Quyết định số 2981/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 1022,0 ha; Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch sử dụng đất và giao thông thuộc Đồ án Quy hoạch phân khu đô thị An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000;

Vậy trường hợp của ông Phạm Trí không thuộc trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

Thứ ba: Trong nội dung khiếu nại ông Trí nêu trong thời hạn 60 ngày phải xuất trình giấy phép xây dựng là bất khả kháng, lý do trên địa bàn huyện Phú Quốc đang tạm ngưng việc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua kiểm tra, rà soát tất cả các quy định của pháp luật thì không có văn bản nào tạm ngưng việc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Quốc.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Tòa án, VKS cấp cao tại TP. HCM;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thanh Huyền

